

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 05 (Bảo Lâm)

Môn: Phần B.II - Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Ngày thi: 24/5/222

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Bàn Thị Vân Anh	7.50	Bảy phẩy năm	41	Dương Văn Lợi	6.50	Sáu phẩy năm
2	Hoàng Ngọc Anh	7.50	Bảy phẩy năm	42	Lương Hà Lý	6.50	Sáu phẩy năm
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	7.75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nguyễn Ngọc Mẫn	7.00	Bảy
4	Nông Văn Cường	7.00	Bảy	44	Mạc Văn Minh	6.50	Sáu phẩy năm
5	Hoàng Cao Cường	7.00	Bảy	45	Nông Văn Minh	6.00	Sáu
6	Nguyễn Đức Chinh	7.00	Bảy	46	Nông Văn Mộc	6.00	Sáu
7	Nông Văn Dũng	6.00	Sáu	47	Lâu Thị My	7.00	Bảy
8	Quan Thị Dung	6.00	Sáu	48	Hoa Thị Nga	8.00	Tám
9	Phương Đình Duy	7.00	Bảy	49	Hoàng Thị Ngân	7.75	Bảy phẩy bảy năm
10	Lý Văn Dinh	6.00	Sáu	50	Nguyễn Hoàng Ngoan	7.75	Bảy phẩy bảy năm
11	Hà Thị Duyên	7.75	Bảy phẩy bảy năm	51	Liên Thị Nguyên	6.00	Sáu
12	Hoàng Thị Duyên	7.75	Bảy phẩy bảy năm	52	Mã Văn Nhâm	6.00	Sáu
13	Lãnh Thị Duyệt	8.00	Tám	53	Bé Thị Nhung	7.00	Bảy
14	Lục Văn Đức	6.50	Sáu phẩy năm	54	Sầm Thị Phiên	7.50	Bảy phẩy năm
15	Mông Thị Điệp	7.00	Bảy	55	Hà Văn Phong	7.00	Bảy
16	Dương Thị Điệp	6.00	Sáu	56	Đặng Văn Quân	8.00	Tám
17	Dương Văn Định	6.50	Sáu phẩy năm	57	Trần Hùng Quang	8.25	Tám phẩy hai năm
18	Nguyễn Thị Thu Hà	7.50	Bảy phẩy năm	58	Âu Hoàng Quốc	7.75	Bảy phẩy bảy năm
19	Phan Thị Hạnh	6.50	Sáu phẩy năm	59	Nông Thị Sấn	7.50	Bảy phẩy năm
20	Trịnh Thị Hạnh	7.00	Bảy	60	Vương Văn Sính	6.00	Sáu
21	Lã Xuân Hải	8.00	Tám	61	Vi Văn Sơn	6.00	Sáu
22	Nông Thị Hậu	8.00	Tám	62	Phùng Văn Tập	6.00	Sáu

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Ma Xuân Hòa	6.50	Sáu phẩy năm	63	Anh Thị Thanh	7.00	Bảy
24	Tô Thị Thu Hoài	7.00	Bảy	64	Mạc Văn Thánh	6.00	Sáu
25	Ma Thị Hoàn	7.50	Bảy phẩy năm	65	Hoàng Văn Thành	6.00	Sáu
26	Hà Thị Bích Hồng	7.50	Bảy phẩy năm	66	Nguyễn Thị Phương Thảo	7.50	Bảy phẩy năm
27	Mạc Văn Huân	6.00	Sáu	67	Nông Thị Thảo	8.00	Tám
28	Nông Thị Huệ	7.00	Bảy	68	Hoàng Thị Thời	7.75	Bảy phẩy bảy năm
29	Mã Thị Huệ	6.50	Sáu phẩy năm	69	Lữ Thị Thu	7.25	Bảy phẩy hai năm
30	Nguyễn Như Hùng	7.50	Bảy phẩy năm	70	Mạc Thị Thu	7.25	Bảy phẩy hai năm
31	Hoa Mạnh Hưng	7.50	Bảy phẩy năm	71	Lữ Thu Thủy	7.25	Bảy phẩy hai năm
32	Nông Thị Hương	6.00	Sáu	72	Hoàng Lệ Thủy	8.25	Tám phẩy hai năm
33	Chu Thị Thanh Huyền	7.00	Bảy	73	Lãnh Thị Phương Trang	6.50	Sáu phẩy năm
34	Ngô Văn Khánh	8.00	Tám	74	Triệu Thị Trang	6.50	Sáu phẩy năm
35	Phạm Thị Khuyên	7.00	Bảy	75	Lãnh Thị Trọng	8.00	Tám
36	Nông Ngọc Kiên	6.00	Sáu	76	Mã Thị Tú	8.00	Tám
37	Lương Thị Ngọc Lan	7.50	Bảy phẩy năm	77	Hoàng Huy Tuyên	6.00	Sáu
38	Hà Thị Lan	8.00	Tám	78	Nông Văn Tuyên	6.00	Sáu
39	Nông Thị Lành	6.50	Sáu phẩy năm	79	Phương Ánh Tuyết	6.00	Sáu
40	Triệu Thị Liên	7.00	Bảy	80	Mạc Thị Vê	8.00	Tám

Điểm 6.00: 19 điểm; Điểm 6.50: 11 điểm; Điểm 7.00: 16 điểm; Điểm 7.25: 03 điểm; Điểm 7.50: 11 điểm; Điểm 7.75: 07 điểm; Điểm 8.00: 11 điểm; Điểm 8.25: 02 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

*Dhlu*

**Đoàn Thị Kim Liên**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
K/T TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

*Nongvd*

**Nông Văn Dũng**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



*HVH*

**Hoàng Việt Hưng**